

TÌM HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI Ở NAM BỘ

● Huỳnh Ngọc Thu*

Nam Bộ với diện tích trên 67km², có 19 tỉnh thành, là khu vực được người Việt (là chủ yếu) và một số dân tộc khác khai phá cách đây hơn 300 năm. Đây là vùng đất tụ cư của nhiều thành phần dân tộc như Việt, Khmer, Hoa, Chăm... và cũng là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa khác nhau giữa các tộc người. Trong đó, nổi trội hơn hết có thể kể đến là văn hóa của người Việt, với vai trò chủ thể về mặt dân số, kinh tế và chính trị từ hàng trăm năm qua đã làm cho yếu tố văn hóa Việt có sự ảnh hưởng mạnh mẽ trên toàn khu vực; sau đến là văn hóa của người Khmer, người Hoa và các dân tộc thiểu số khác... Do đó có thể nói, văn hóa Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là vùng văn hóa của sự pha trộn, dung hòa mạnh mẽ giữa các tộc người. Chính sự hỗn dung, pha trộn văn hóa ấy mà Nam Bộ trở thành vùng đất xuất hiện nhiều tôn giáo bản địa nhất trong cả nước, trong đó tiêu biểu có thể kể đến các tôn giáo như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hòa Hảo, và đặc biệt là Cao Đài - một tôn giáo có tham vọng tổng hòa các tôn giáo lớn trên thế giới.

1. Đạo Cao Đài với tên đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời vào năm 1926 tại chùa Từ Lâm (còn gọi là chùa Gò Kén) thuộc làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đạo Cao Đài ra đời từ một nhóm quan lại, địa chủ, tiểu tư sản, công chức ở Sài Gòn. Công cuộc vận động lập đạo Cao Đài bắt đầu từ năm 1925, nhưng trước đó (năm 1921) tại Phú Quốc,

ông Ngô Văn Chiêu, một quan chức trong chính phủ thuộc địa, đã đặt nền tảng gầy dựng đạo này bằng việc lập bàn thờ, xây dựng kinh sách, tiến hành tu đạo.

Theo tài liệu của đạo Cao Đài, ông Ngô Văn Chiêu là người học trường Pháp (tốt nghiệp bằng Thành Chung của Trường Chasseloup Laubat Sài Gòn - nay là trường Lê Quý Đôn), làm công chức thời Pháp thuộc, là người rất say mê thuật cầu cơ. Qua những buổi cầu cơ, ông Chiêu đã đặt niềm tin vào "thế giới siêu linh", một thế giới "hư ảo" mà nội dung tôn giáo đề cập.

Thế giới hư ảo đó là nơi tồn tại của các đấng siêu linh, trong đó "Cao Đài Tiên Ông" giáng đàn vào năm 1919 tại Tân An đã trở thành một trong những đấng siêu linh quan trọng trong "thế giới hư ảo" của đạo Cao Đài. Đấng "Cao Đài Tiên Ông" xuất hiện khi ông Chiêu cùng những người bạn tổ chức cầu cơ tại Tân An. Sau đó, đấng siêu linh này thường xuyên xuất hiện trong những buổi cầu cơ của ông Chiêu tại Hà Tiên và Phú Quốc. Năm 1921, thông qua những buổi cầu cơ tại Phú Quốc, Đấng "Cao Đài Tiên Ông" đã nhận ông Chiêu làm đệ tử, khuyên ông ăn chay trường và tu luyện tâm pháp. Cũng trong năm này, ông Chiêu tạo hình tượng "Thiên nhân" (Mắt trời) làm biểu tượng thờ cúng và đã cụ thể hóa "thế giới hư ảo" bằng cảnh "Bồng Lai" khi cho rằng mình đã được "Tiên ông" tưởng thưởng cho công phu tu hành bằng việc cho thấy "Tiên cảnh" (thế giới của sự giải thoát). Cuối năm 1924 đầu năm 1925, khi

* ThS, Giảng viên Khoa Nhân học.

làm việc ở Dinh Thống Đốc Nam Kỳ tại Sài Gòn, ông Chiêu đã cùng ông Vương Quan Kỳ (người làm cùng sở), Đoàn Văn Bản (Đốc học Trường Cầu Kho), Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý lập thành nhóm tu theo đạo Cao Đài tại Sài Gòn. Nhóm tu này do ông Chiêu đứng đầu và là người hướng dẫn.

Bên cạnh nhóm ông Chiêu, giữa năm 1925 tại Sài Gòn, một số người cũng cố vũ tu theo đạo Cao Đài. Đó là các ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang. Họ là những người đồng thanh khí (cùng yêu âm nhạc, sành thơ văn và đều tin có thể giới siêu hình hiện hữu) và là đồng hương, bạn học, đồng nghiệp nên thường qua lại chơi thân với nhau, thường xuyên tổ chức hội họp đàm đạo thơ văn và thể sự. Họ đến với đạo Cao Đài cũng xuất phát từ sự say mê tiếp xúc với "thế giới siêu linh" như nhóm của ông Chiêu, nhưng dưới một hình thức khác là "xây bàn".

Năm 1925, bằng hình thức xây bàn, các ông đã trò chuyện được với chơn linh của cụ Cao Quỳnh Tuân (cha của ông Cao Quỳnh Cư), Vương Thị Lễ (cháu của ông Vương Quan Kỳ), chơn linh của các thi sĩ và các bậc tiên thánh như thi sĩ Huỳnh Thiên Kiều (hiệu là Quý Cao), Đức Nhân Âm Đạo Trưởng, Thanh Sơn Đại Sĩ (Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm), Đại tiên Lê Văn Duyệt... để cùng làm thơ, họa phú. Các ông còn tiếp xúc được với Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu vị Tiên nương. Đặc biệt, các ông đã tiếp xúc với chơn linh của "Cao Đài Tiên Ông" dưới danh xưng ban đầu là AẢẢ. Cũng giống như ông Chiêu, Cao Đài Tiên Ông đã nhận các ông làm đệ tử để truyền đạo; sau đó có thêm sự tham gia của ông Lê Văn Trung, Trương Hữu Đức, Nguyễn Trung Hậu... Trong đó, ông Trung là người rất có uy tín trong chính quyền thuộc địa lúc bấy giờ. Ông nguyên là Thượng nghị viện Đông Dương (Membre du Conseil Supérieur de L'Indochine), được chính phủ Pháp thưởng Đệ ngũ đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh (Chevalier de l'ordre National de la Légion d'honneur) và được cử vào Hội Đồng Tư Vấn (Conseil Privé) năm 1912.

Cuối năm 1925, nhóm ông Cư, Tắc, Trung... hiệp với nhóm ông Chiêu, Kỳ, Bản... để hình thành nên nhóm tu theo đạo Cao Đài ở Sài Gòn, và bắt đầu công cuộc truyền bá tôn giáo mới.

Với những sự kiện nêu trên cho thấy, năm 1925 đạo Cao Đài đã trở thành một tôn giáo

mới tại Nam Bộ với đầy đủ những yếu tố như:

- *Về niềm tin tôn giáo*: những người khởi xướng cho việc hình thành đạo Cao Đài đều tin tưởng vào một thế giới siêu thực; một thế giới tồn tại bởi các siêu linh, nơi đó có sự tồn tại của các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật... và vong hồn của những người quá vãng, đó là cảnh "Bồng Lai", một thế giới hoàn toàn khác thế giới trần tục. Do tin tưởng sự tồn tại của thế giới siêu thực đó mà những người như Ngô Văn Chiêu, Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc, Lê Văn Trung... đều là những bậc trí thức, có địa vị cao trong xã hội lúc bấy giờ, đã tìm cách tiếp xúc bằng các hình thức khác nhau như cầu cơ, xây bàn. Thông qua những lần tiếp xúc với thế giới siêu linh, những người này lại càng củng cố niềm tin của mình về sự tồn tại của các "chơn linh siêu việt" ở thế giới bên kia. Những nhân vật như Diêu Trì Kim Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Lữ Đồng Tân, Bạch Hạc Đồng Tử... là những nhân vật tưởng như không thật được biết đến trong các truyện thần tiên của Trung Quốc thì nay lại xuất hiện, trò chuyện với họ thông qua thuật xây bàn hoặc cầu cơ. Điều này đã làm cho họ "ngây ngất" và tin tưởng tuyệt đối vào sự tồn tại của thế giới siêu linh. Lại thêm những vong hồn quá vãng là cha (chơn hồn của Cao Quỳnh Tuân), cháu (chơn hồn của Vương Thị Lễ), bạn (thi sĩ Quý Cao là bạn của ông Nguyễn Trung Hậu) của những người còn đang tại thế quay trở về cùng tâm sự, đàm đạo thơ văn... lại một lần nữa củng cố niềm tin tôn giáo của họ.

Tất cả những điều trên đã nói lên rằng, niềm tin về một thế giới bên kia cùng với sự tồn tại của các chơn linh siêu việt đã được củng cố ngay từ buổi đầu khi đạo Cao Đài có những yếu tố mạnh nha hình thành trong bối cảnh thế giới cũng quan tâm nghiên cứu về linh hồn. Đây chính là niềm tin để dẫn đến sự ra đời của một tôn giáo bản địa.

- *Về nghi lễ tôn giáo*: lễ nghi tôn giáo được thực hành nhằm dâng niềm tin tôn giáo lên các đấng siêu linh mà họ tôn thờ. Đấng siêu linh được tôn thờ chính là "Cao Đài Tiên Ông"; biểu tượng tôn giáo được sử dụng để chiêm bái cho lễ nghi tôn giáo là hình tượng "Thiên nhân" (mắt Trời).

Khi có đấng siêu linh và biểu tượng tôn giáo, ông Chiêu đã lập bàn thờ trong nhà và bắt đầu

hành lễ. Mỗi ngày ông hành lễ bốn lần theo bốn thời: Tý, Ngọ, Meo, Dậu. Kinh sách được dùng trong hành lễ là các bài Cửu Thiên, Nhụy Châu trích từ kinh sách của đạo Minh Sư. Lễ vật dùng để cúng là hoa, trà, rượu, quả.

Việc thờ cúng và hành lễ này được ông duy trì và truyền lại cho các ông Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công, Lê Văn Trung... nhằm mục đích biểu hiện niềm tin tôn giáo của mình.

- Chức sắc tôn giáo: Mặc dù các ông Ngô Văn Chiêu, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Lê Văn Trung... trong những buổi đầu chưa có những chức phận tôn giáo rõ ràng, như họ lại chính là những người đang thực hiện hành vi tôn giáo. Ông Ngô Văn Chiêu trở thành người hành lễ chuyên nghiệp khi được giao trọng trách phải ăn chay trường, luyện đạo để giữ tâm pháp và truyền thụ cách thờ cúng và hành lễ cho những người khác. Các ông còn lại giữ vai trò buổi đầu như là những người hành lễ thông thường. Các ông phải học tập từ ông Chiêu và nhất nhất phải xem ông Chiêu là anh cả.

Như vậy, năm 1925 đạo Cao Đài đã trở thành một tôn giáo của người dân Nam Bộ, do những quan lại, công chức người Việt trong chính quyền thuộc địa lập nên. Sau đó, đạo Cao Đài bắt đầu phát triển.

2. Việc phát triển đạo Cao Đài diễn ra mạnh mẽ từ năm 1926, được đánh dấu bằng lễ khai đạo tại chùa Từ Lâm, Tây Ninh. Lễ khai đạo được xem là sự ra mắt chính thức của tôn giáo này. Đây là bước khởi đầu để đạo Cao Đài phát triển.

Chỉ sau lễ khai Đạo một năm (từ năm 1925 đến 1926) đạo Cao Đài đã có vị thế trong xã hội Nam Bộ. Bằng chứng là số người tham gia vào đạo mỗi lúc một đông. Số người nhập môn theo đạo mỗi ngày đếm có từ 90 đến 100 người. Giải thích việc người dân Nam Bộ theo Cao Đài, trong sách Tôn giáo, Nguyễn An Ninh có viết "*Dân đã mê muội trong tôn giáo, mà các tôn giáo, các đạo lý của nước nhà đều suy sụp, làm sao mà không theo đạo Cao Đài được. Không từng thấy, không suy ra, gặp đạo Cao Đài có màu mới mẽ, mà lại dễ dàng cho tâm trí như ngựa quen đường cũ. Đạo Cao Đài là cái nhà cũ của dân mê tín mà sơn lại mới; mọi vật cũ ngày xưa, nay đều mang một cái tên mới; coi nó mới mà lại có quen*" nên đã theo Cao Đài. Trần Văn Giàu cũng đồng quan điểm khi cho rằng "*nhân dân khôn*

khô mà chưa giác ngộ cách mạng lại càng chìm sâu vào mê tín dị đoan thì tất phải trông mong vào sự giải thoát ở đời sau, đi vào đường tôn giáo. Mà theo đạo nào bây giờ?... Bây giờ có đạo mới, đạo Cao Đài, may ra có lối thoát? Người ta hy vọng; người ra vào đạo Cao Đài. Nó mới mà cũ, mới về tổ chức, về tên tuổi, mà cũ về nội dung, phương tiện, để theo". Chính những yếu tố "mới mà cũ" đã làm cho người dân cảm thấy có sự mới mẽ trong tôn giáo Cao Đài, nhưng lại không quá xa lạ với cuộc sống tâm linh đời thường của họ nên đã thu hút được đông đảo người dân tham gia. Theo các tài liệu nghiên cứu về đạo Cao Đài, chỉ sau một năm truyền đạo, số người tin và theo đạo Cao Đài lên đến 5 vạn người (50.000 người vào năm 1926). Con số này tiếp tục tăng lên như đến năm 1928, số tín đồ của Cao Đài khoảng 150.000 người, năm 1931 là 350.000 người, năm 1935 gần 1.000.000 người; đến năm 1975, con số này là 2.820.000 người; năm 1995, con số này chỉ còn khoảng 2.000.000 người và theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ vào tháng 12 năm 2004, số tín đồ của đạo Cao Đài là 2.471.351 người, trong đó đạo hữu là 2.434.429 người; chức sắc là 11.030 người, chức việc là 20.039 người và cơ sở thờ tự là 1.205 cơ sở. Số người có sổ cầu đạo chính thức là 1.043.119 người. Đây là những người có tên trong sổ đạo, do các Hội thánh của Cao Đài nắm giữ. Số người này được phân bố khắp các tỉnh thành ở Nam Bộ.

3. Trong quá trình phát triển, đạo Cao Đài đã có sự phân hóa để hình thành nên các chi phái trong đạo. Việc dẫn đến sự chia rẽ là do mâu thuẫn nội bộ chức sắc lãnh đạo. Khởi đầu là sự mâu thuẫn giữa ông Ngô Văn Chiêu với các ông Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư... dẫn đến việc ông Chiêu tách riêng để lập nên phái Chiếu Minh tại Cần Thơ vào năm 1926. Sau đó, mâu thuẫn giữa các ông Nguyễn Hữu Chính, Lê Văn Lịch (chức sắc cao cấp trong đạo) với các ông Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Lê Bá Trang... dẫn đến việc ông Chính tách riêng lập nên phái Cao Đài Tiên Thiên tại Tiền Giang 1930. Ông Nguyễn Văn Ca (chức sắc trong đạo) tách ra lập nên phái Cao Đài Minh Chơn Lý tại Mỹ Tho năm 1932. Ông Trần Đạo Quang lập nên phái Minh Chơn Đạo năm 1934 tại Bạc Liêu. Ông Lê Bá Trang, Nguyễn Ngọc Tương lập nên phái Ban Chính Đạo tại Bến Tre vào năm 1934.

Số tín đồ có sở cầu đạo và cơ sở thờ tự của Cao Đài ở Nam Bộ

TT	Tên tỉnh, thành phố	Chức sắc	Chức việc	Đạo hữu	Cơ sở thờ tự
1	An Giang	163	681	73829	45
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	191	345	9147	19
3	Bạc Liêu	30	342	7813	25
4	Bến Tre	1076	1535	45000	134
5	Bình Dương	131	85	3739	18
6	Bình Phước	6	42	1911	5
7	Cà Mau	479	816	42730	59
8	Cần Thơ	152	347	17407	28
9	Đồng Nai	28	459	11117	28
10	Đồng Tháp	493	1259	55273	54
11	Hồ Chí Minh	567	1476	47427	88
12	Kiên Giang	285	327	14410	49
13	Long An	739	200	98000	119
14	Tây Ninh	2976	6140	390416	110
15	Tiền Giang	1514	1332	41176	93
16	Hậu Giang	26	90	11636	19
17	Sóc Trăng	194	274	10096	29
18	Trà Vinh	337	569	27119	44
19	Vĩnh Long	511	861	22872	49
	Tổng cộng	9898	17180	931.118	1015

(Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ tháng 12/2004)

Ông Tô Bửu Tài, Trương Minh Tông lập nên Cao Đài Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý vào năm 1936...

Hiện nay, đạo Cao Đài có 9 chi phái được nhà nước công nhận tư cách pháp nhân là Chiếu Minh Long Châu (công nhận ngày 27/7/1996), Cao Đài Tiên Thiên (29/7/1995), Minh Chơn Lý (14/3/2000), Minh Chơn Đạo (2/8/1996), Ban Chính Đạo (8/8/1997), Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý (8/7/1998), Cao Đài Tây Ninh (27/9/1997), Cầu Kho - Tam Quan (28/4/2000) và Cao Đài Truyền Giáo (24/9/1996). Trong đó, 7 chi phái được hình thành ở Nam Bộ và 2 chi phái được hình thành ở miền Trung là Cầu Kho - Tam Quan và Cao Đài Truyền Giáo.

4. Về giáo lý và cách hành đạo, những người

sáng lập ra đạo Cao Đài đã khôn khéo kết hợp tư tưởng Tam giáo truyền thống, tôn giáo phương Tây (đạo Công giáo) và tín ngưỡng dân gian, tạo nên sự hỗn dung văn hóa trong hoạt động tôn giáo của mình. Điều này để người dân cảm thấy có sự mới mẻ, nhưng không quá xa lạ trong tín ngưỡng đời thường của họ.

Sự hỗn dung văn hóa đó được biểu hiện trong triết lý, nơi thờ tự và lối hành đạo của tôn giáo này.

- Về triết lý: Đạo Cao Đài với tư tưởng hiệp nhất ngũ chi, là sự hợp nhất 5 nhánh đạo gồm: Nhon đạo (do Khổng tử chủ trương), Thần đạo (do Khương Tử Nha lập ra), Thánh đạo (đạo Công giáo), Tiên đạo (đạo của Lão tử), Phật đạo (đạo của Phật Thích Ca) để làm tư tưởng giải

thoát, nên người dân dù trước đây đã từng theo tôn giáo nào thì nay cũng cảm thấy gần gũi nếu gia nhập Cao Đài. Đạo Cao Đài còn đưa ra tôn chỉ là "Tam kỳ phổ độ", nghĩa là cứu rỗi nhân sinh lần thứ ba. Theo đạo Cao Đài, việc cứu rỗi nhân sinh lần thứ nhất là sự xuất hiện của Thái Thượng Đạo Tổ (Thái Thượng Lão Quân) và Nhiên Đăng Cổ Phật, gọi là thời kỳ thượng nguyên khai đạo; lần thứ hai là sự xuất hiện của Lão Tử, Phật Thích Ca, Khổng Tử, và Chúa Giêsu, gọi là hội trung nguyên; lần thứ ba là sự xuất hiện của đạo Cao Đài, do chính Ngọc Hoàng Thượng Đế làm chủ mỗi đạo, và cũng là lần cuối cùng để cứu vớt nhân sanh nên đã gộp tất cả các tôn giáo trước đó vào trong một đạo, do đó được gọi là Đại đạo tam kỳ phổ độ. Với triết lý "bình dân", dễ hiểu như trên đã thuyết phục được người dân ở Nam Bộ.

Thêm vào đó là kinh sách được viết dưới dạng văn vần theo thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát nên dễ đọc, dễ hiểu và dễ thuộc, đã làm cho người dân cảm thấy không mấy khó khăn để trở thành tín đồ của đạo. Hơn nữa, đạo Cao Đài luôn tôn trọng tín ngưỡng và phong tục của người dân, không ép buộc tín đồ phải từ bỏ hoặc hạn chế các hoạt động liên quan đến tín ngưỡng hay phong tục cổ truyền của mình nên làm cho người dân cảm thấy thoải mái khi tham gia vào đạo.

- Về nơi thờ tự. Đạo Cao Đài với nơi thờ tự gọi là Tòa thánh và Thánh thất (trực thuộc Tòa thánh) được xây dựng khá uy nghi. Bộ cục ở nơi thờ tự được chia thành ba phần gọi là Tam đài, gồm Bát quái đài, nơi dùng để thờ Thượng Đế (qua hình tượng Thiên nhân) và các Giáo chủ của các tôn giáo khác; Cửu trùng đài, nơi tín đồ quỳ hành lễ Thượng Đế và các Giáo chủ, và cũng là nơi biểu hiện các bước tu hành của tín đồ; Hiệp thiên đài, nơi thờ Hộ Pháp của đạo và cũng là nơi mà chức sắc có nhiệm vụ quản lý và bảo vệ luật pháp chơn truyền của đạo, nơi lập ra các Tòa đạo để xử phạt những tín đồ phạm luật. Ba đài này là biểu tượng thiêng liêng của đạo Cao Đài, được kết hợp khá hài hòa trong kiến trúc của Tòa thánh hoặc Thánh thất, làm cho tín đồ cảm thấy nơi đây luôn là sự tôn nghiêm bậc nhất của đạo.

Tín đồ đến Tòa thánh hoặc Thánh thất đều phải mặc lễ phục. Đặc biệt, Chức sắc của đạo có những bộ lễ phục với các màu khác nhau như xanh (những người theo phái Thượng, đại diện

cho đạo Lão), đỏ (người theo phái Ngọc, đại diện cho đạo Nho), vàng (người theo phái Thái, đại diện cho đạo Phật), được may rất công phu với những chi tiết phức tạp và đội mũ (mũ) rất cầu kỳ giống như trong hát bội. Mọi người khi hành lễ tại Tòa thánh hoặc Thánh thất đều phải quỳ lạy kính cẩn, có thứ tự, không ồn ào... biểu hiện rõ sự tôn nghiêm và nghiêm túc trong tổ chức của đạo.

Cách thờ tự trong gia đình tín đồ cũng biểu hiện sự đặc biệt của nó. Bàn thờ luôn đặt ở nơi trang nghiêm nhất trong gia đình, được che rèm cẩn thận (chỉ mở rèm khi hành lễ). Các đồ vật trên bàn thờ được sắp xếp trật tự theo một nguyên tắc nhất định, không có sự xáo trộn. Tín đồ hành lễ trước bàn thờ cũng mặc lễ phục, quỳ lạy kính cẩn, đọc kinh theo cùng một giọng và rất rập khuôn.

Tất cả những điều trên tạo nên sự chú ý đặc biệt cho người dân về tôn giáo này. Sự chú ý đó còn được chú trọng hơn khi mà tín đồ và chức sắc thực hành tôn giáo của mình trong cộng đồng.

- Về thực hành tôn giáo: Những hoạt động tôn giáo của đạo Cao Đài được thực hành trong cộng đồng thường chú trọng đến các nghi lễ trong gia đình liên quan đến phong tục truyền thống của người Việt ở Nam Bộ như cưới hỏi, tang ma, cầu siêu... Đặc biệt là tang ma. Trong gia đình tín đồ khi có người đau nặng sắp qua đời, toàn thể đạo hữu trong Họ đạo cùng đến làm lễ tiếp qui, nhằm mục đích hướng dẫn "chơn hồn" của người sắp chết trở về cõi Thiêng. Lễ được tổ chức ngay tại nhà của tín đồ. Hình thức và mục đích tổ chức lễ không khác nhiều so với lễ cầu an (sốt môn) của người Khmer theo Phật giáo nguyên thủy, hay thực hiện bí tích xức dầu bệnh nhân dành cho người sắp qua đời của đạo Công giáo. Trong tang lễ, chức sắc, chức việc và đạo hữu luôn túc trực cầu nguyện cho người chết. Đến lúc hạ huyệt, công việc cầu nguyện tạm kết thúc, nhưng sau đó lại chuẩn bị cho các lễ Tuần Cửu. Lễ Tuần Cửu được tổ chức 9 ngày một lần, bắt đầu tính từ ngày chết của người quá cố, và phải làm 9 lần lễ như vậy. Lễ được tổ chức tại nhà của tín đồ (nếu trong gia đình đó có bàn thờ của đạo) hoặc tại Thánh thất hay Tòa thánh. Trong buổi lễ, tất cả đạo hữu của Họ đạo đều tập trung để cùng cầu siêu cho người quá cố. Hình thức cũng như mục đích tổ chức lễ đều không khác nhiều so với cách cúng Tuần của tín đồ Phật

giáo Bắc truyền. Đạo hữu, chức việc, chức sắc phục vụ trong tang lễ và trong các buổi cúng Tuần Cửu đều không nhận tiền thù lao từ gia đình, và xem những việc làm đó như là hình thức công qua để tích đức.

Những nghi lễ trước đám tang, trong đám tang và những ngày cúng Cửu, mặc dù được tổ chức theo nguyên tắc và triết lý của đạo Cao Đài, nhưng lại không quá xa lạ với phong tục truyền thống của người Việt. Hơn nữa, các nghi lễ này đều được tổ chức qui cũ, có sự tham gia đông đảo của chức sắc, chức việc và đạo hữu, làm không khí trong các buổi lễ trở nên trang trọng, tôn nghiêm, tạo được niềm tin trong lòng tín đồ và những người chứng kiến, là người quá cố sẽ được siêu thoát. Chính những yếu tố ấy đã thu hút sự chú ý của người dân để họ gia nhập trở thành tín đồ của đạo Cao Đài.

Nhờ tính hỗn dung trong triết lý, cách thờ tự và lối hành đạo mà đạo Cao Đài đã phát triển mạnh mẽ, thu hút được nhiều tín đồ ở khu vực Nam Bộ kể từ khi ra đời đến nay.

Đến nay đạo Cao Đài đã trở thành một trong những tôn giáo bản địa ở Nam Bộ được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, với 9 chi phái đang hoạt động trên cả nước; ngoài ra, đạo Cao Đài còn có mặt trong cộng đồng người Việt ở Mỹ, Úc, Pháp...

Như vậy, đạo Cao Đài là sản phẩm của người Việt, được hình thành trong bối cảnh xã hội Nam đang bị người Pháp đô hộ, nên nó trở thành một trong những cứu cánh về mặt tâm linh của người Việt lúc bấy giờ. Hiện nay, đạo Cao Đài vẫn đang hoạt động, và trở thành một trong những tổ chức tôn giáo bản địa độc đáo của cư dân Nam Bộ nói riêng và của người Việt nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo của chính phủ, 1992, *Các văn bản của Nhà nước về hoạt động tôn giáo* (lưu hành nội bộ), Hà Nội,
2. Ban Tôn giáo của chính phủ, 1993, *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Hà Nội
3. Đỗ Trung Tử, (Sưu-Tập), 2001, *Lược sử khai nguyên Cao-Đài-giáo*, Tư-liệu tu-học Lưu-hành nội-bộ tại Tòa Thánh Tây Ninh
4. Đặng Nghiêm Vạn, (chủ biên), 1995, *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội,
5. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên), 1996, *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, NXB KHXH
6. Đinh Văn Đệ, 1997, *Nói chuyện Cao Đài*, NXB Thuận Hóa,
7. Đồng Tân, 1967, 1972, *Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, quyển 1, 2, NXB Cao Hiên, Sài Gòn,
8. Đức Nguyên, *Đạo Cao Đài & các tôn giáo lớn trên thế giới*, tài liệu lưu giữ tại Tòa Thánh Tây Ninh
9. Gabriel Gobron, 1948, *Lịch sử đạo Cao Đài (Histoire du Caodaïsme) (1925 - 1937)*, Paris: Dervy, người dịch Nguyễn Văn Hồng
10. Gabriel Gobron, 1949, *Lịch sử và triết lý của đạo Cao Đài (Histoire et Philosophie du Caodaïsme)*, Paris: Dervy, người dịch Nguyễn Văn Hồng
11. Hồ Tường, Nguyễn Huy Cường, 2004, *Toà thánh Cao Đài Tây Ninh*, NXB Trẻ
12. Hòa Nhân, 1967, *Bốn mươi năm lược sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (đạo Cao Đài)*, tài liệu đánh máy
13. Huệ Chương, 1929, *Phụ Thê Yếu Luận*, Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành
14. Huệ Lương, 1963, *Đại đạo tam kỳ phổ độ (Cao Đài giáo)* - Sơ giản, S
15. Hương Hiều, 1995, *Đạo sử*, quyển 1 và 2, *Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh giữ bản quyền, Thánh Thất Tộc Đạo Westminster CA - USA* ấn hành năm Ất Hợi
16. Huỳnh Lúa (chủ biên), 1987, *Lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ*, NXB TP. HCM
17. Lê Anh Dũng, 1994, *Con đường tam giáo Việt Nam*, NXB TP. HCM
18. Lê Anh Dũng, 1995, *Tìm hiểu kinh cúng tứ thời*, NXB Thuận Hóa
19. Lê Anh Dũng, 1996, *Lịch sử đạo Cao Đài - thời kỳ tiềm ẩn (1920 - 1926)*, NXB Thuận Hóa
20. Ngọc Trường Thanh, 1996, *Tìm hiểu đạo Cao Đài*, tài liệu đánh máy
21. Nguyễn Công Bình (chủ biên), 1990, *Văn hóa cư dân Đồng bằng sông Cửu Long*, NXB KHXH
22. Nguyễn Đăng Duy, 1997, *Văn hóa tâm linh Nam bộ*, NXB KHXH
23. Nguyễn Thanh Xuân, 2004, *Quá trình ra đời và phát triển của đạo Cao Đài từ năm 1926 đến năm 1975*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Lịch sử.
24. Nguyễn Trung Hậu, 1930, *Đạo Đạo căn nguyên*, tài liệu lưu giữ tại Tòa Thánh Tây Ninh
25. Nguyễn Văn Hồng, 1999, *Giới thiệu Tòa thánh Tây Ninh*, Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành
26. Nguyễn Văn Hồng, 2004, *Cao Đài tự điển*, bản thảo
27. Phạm Kỳ Chương, 1973, *Đạo Cao Đài và chính trị*, Luận văn tốt nghiệp Học viện Quốc gia - Hành chính, Sài Gòn

28. Phan An (chủ biên), 1994, *Những vấn đề dân tộc, tôn giáo ở miền Nam*, NXB TP. HCM
29. Phan Văn Hoàn, 2001, *Cao Triều Phát - nghĩa khí Nam bộ*, NXb Trẻ TP. HCM
30. Quan phổ thông giáo lý Đại Đạo Cơ, 2005, *Lịch sử đạo Cao Đài - quyển 1: Khai đạo từ khởi nguyên đến khai minh*, NXB Tôn giáo
31. Smith, R.B. 1970. *An Introduction to Caodaism* [Giới thiệu Đạo Cao Đài]. Tạp chí School of Oriental and African Studies, Volume XXXIII.
32. Thiều Giang, 1967, *Lược sử cơ bút đạo Cao Đài*, Hồn quê xuất bản, Sài Gòn
33. Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, *Pháp chánh truyền*, ấn hành Năm Nhâm Tý
34. Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, *Tân luật*, ấn hành năm Nhâm Tý
35. Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, *Thánh-Ngôn Hiệp-Tuyển*, Quyển Nhứt, nhì, ấn hành Năm Nhâm-Tý
36. Tòa Thánh Tây Ninh, 1973, *Tiểu Sử đức quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt* (Lê Văn Trung), in lần thứ nhứt năm Quý Sửu, Trần Văn Giàu, 1993, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ TK XIX đến Cách Mạng Tháng Tám*, tập II "Ý thức hệ Tư sản và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử", NXB TP.HCM
37. Trần Văn Rạng, 1970, *Đại đạo sử cương*, quyển 1, 2, 3, 4, tài liệu đánh máy
38. Trần Văn Rạng, 1971, *Đại đạo bí sử*, Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành năm Ất Mão
39. Trần Văn Rạng, 1974, *Chân dung hộ-pháp Phạm Công Tắc*, Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành năm Ất Mão
40. Trần Văn Rạng, 1974, *Chân dung Quyền Giáo tông Lê Văn Trung*, Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành năm Ất Mão
41. Trần Văn Rạng, 1974, *Giáo dục văn hóa đạo Cao Đài*, Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành năm Ất Mão
42. Trần Văn Rạng, 1974, *Mười hai đệ tử đầu tiên của đạo Cao Đài*, Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành năm Ất Mão
43. Trần Văn Rạng, 1975, *Vị thế Cao Đài Tây Ninh trong quốc sử (lịch sử chính trị và quân sự từ 1937 - 1954)*, *Tiểu luận Cao học sư*, Viện Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Văn Khoa
44. Wernen, Jayne S. 1974. *The Cao Đài: The Politics of a Vietnamese Syncretic Religious Movement [Đạo Cao Đài: Một xu hướng tôn giáo hỗn dung của người Việt]*. Unpublished PhD. Dissertation, Cornell University.

* **Các trang web liên quan**

<http://en.wikipedia.org>
<http://www.chiangmai-chiangrai.com>
<http://www.caodai.org.au>
<http://www.caodaim.org>
www.caodaigiaoly.de
www.personal.usyd.edu.au/~cdao/booksv
www.thienlybuutoa.org
www.caodaim.net
www.caodai.org
www.caodaione.org
<http://www.nndb.com/people/861/000097570/>
<http://www.columbia.edu/cu/anthropology/about/main/one/boas.html>

SUMMARY:

RESEARCHING CAODAISM IN THE SOUTHERN VIETNAM

● **Huỳnh Ngọc Thu, M.A**

The paper examines Caodaism in Southern Vietnam in terms of its history of establishment, development process, religious organization, rituals and religious practices. This is the result of a project funded by the HCMUSSH entitled Caodaism in Southern Vietnam since 1925. In this paper, the context of the southern culture was explored with an assumption that the culture served as an important premise for the establishment and development of Caodaism in the 1920s. Main events of the religion hitherto were examined and analyzed from the perspectives of cultural areas theories in order to illuminate the impacts of distinctive cultural features of the southern region of Vietnam upon local religions among which is Caodaism.